

Hà Nội, ngày 18 tháng 04 năm 2025

**TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**  
**Phương án phân phối lợi nhuận năm 2024**  
**và một số chỉ tiêu chính kế hoạch kinh doanh năm 2025**

- Căn cứ Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán hiện hành;
- Căn cứ Điều lệ hiện hành của Tổng Công ty được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

Hội đồng quản trị PJICO kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua các nội dung sau:

**1- Phê duyệt phương án phân phối lợi nhuận năm 2024:**

**1.1 Các chỉ tiêu lợi nhuận thực hiện (theo báo cáo tài chính của Tổng Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH PwC cho kỳ kế toán kết thúc 31/12/2024):**

- |                               |                      |
|-------------------------------|----------------------|
| - Tổng lợi nhuận trước thuế : | 291,191,361,657 đồng |
| - Thuế TNDN:                  | 58,950,856,426 đồng  |
| - Tổng lợi nhuận sau thuế :   | 232,240,505,231 đồng |

**1.2 Trình HĐQT phê chuẩn phương án phân phối lợi nhuận năm 2024 như sau:**

- |  |                             |
|--|-----------------------------|
| - Tổng lợi nhuận sau thuế:   | <b>232,240,505,231 đồng</b> |
| - Chi trả cổ tức 12%:  | 133,076,155,200 đồng        |
| - Trích quỹ dự trữ bắt buộc 5% LNST (đã trích đạt 10% vốn điều lệ):  | - đồng                      |
| - Trích quỹ đầu tư phát triển 14% LNST:  | 32,513,670,732 đồng         |
| - Trích quỹ khen thưởng cho CBCNV (tương đương 0,5 tháng lương bình quân):   | 28,657,849,623 đồng         |
| - Trích quỹ phúc lợi cho CBCNV (tương đương 0,5 tháng lương bình quân):  | 28,657,849,623 đồng         |
| - Trích quỹ khen thưởng thuộc HĐQT để khen thưởng cho các Đơn vị thành viên và các cá nhân hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ:   | 5,000,000,000 đồng          |
| - Trích quỹ khen thưởng khách hàng, cá nhân và tổ chức hợp tác, hỗ trợ và đóng góp cho hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty là 1% Lợi nhuận sau thuế.   | 2,322,405,052 đồng          |
| Giao Tổng giám đốc căn cứ tình hình thực tế sử dụng quỹ khen thưởng nhằm đạt hiệu quả cao nhất.  |                             |
| - Trích quỹ khen thưởng hoàn thành vượt mức kế hoạch lợi nhuận cho người quản lý (HĐQT, Ban điều hành, kế toán trưởng) tham gia quản lý điều hành TCT trong năm 2024 - 2 tháng lương, thưởng, thù lao/người theo Quy chế tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với người quản lý được tính theo thời gian thực tế tham gia quản lý điều hành năm 2024 - theo Phụ lục 01 đính kèm. | 2,012,575,000 đồng          |
| - Lợi nhuận còn lại chưa phân phối:  | - đồng                      |


**2- Phê duyệt kế hoạch kinh doanh năm 2025 với các chỉ tiêu sau:**

Căn cứ vào doanh thu thực hiện năm 2024 của Tổng Công ty, Tổng giám đốc đề nghị HĐQT phê duyệt kế hoạch kinh doanh năm 2025, với các chỉ tiêu chính như sau:

- **Doanh thu bảo hiểm gốc: 4.400 tỷ đồng;**

- Lợi nhuận trước thuế: 306 tỷ đồng;
- Tỷ lệ chi trả cổ tức: 12% vốn điều lệ

Thuyết minh kế hoạch kinh doanh năm 2025 - theo Phụ lục 02;03 đính kèm.

Kính trình! 

Nơi nhận:

- Như trên;

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH



Phạm Thanh Hải

37  
TỔ  
NG T  
BÀ  
PET  
Ng

**PHỤ LỤC 01: BẢNG KÊ TÍNH QUỸ KHEN THƯỞNG HOÀN THÀNH KẾ HOẠCH LỢI NHUẬN CHO NGƯỜI QUẢN LÝ (HDQT, BAN ĐIỀU HÀNH, KẾ TOÁN TRƯỞNG) TỔNG CÔNG TY NĂM 2024**

STT	Họ và tên	Chức danh	Mức lương, thù lao	Thời gian công tác năm 2024 (tháng)	Số tháng thưởng	Số tiền thưởng theo thời gian đảm nhận chức vụ	Ghi chú
<b><u>HỘI ĐỒNG QUẢN TRI</u></b>						<b><u>993,775,000</u></b>	
1	Phạm Thanh Hải	Chủ tịch HDQT chuyên trách	110,600,000	12.0	2.0	221,200,000	
2	Trịnh Thị Quỳnh Hương	TV HDQT chuyên trách	70,500,000	3.5	2.0	41,125,000	Thôi chức danh Thành viên HDQT từ 10/4/2024
3	Nguyễn Thị Hương Giang	TV HDQT kiêm nhiệm	70,500,000	12.0	2.0	141,000,000	
4	Lee Jea Hoon	TV HDQT kiêm nhiệm	70,500,000	12.0	2.0	141,000,000	
5	Trương Diệu Linh	TV HDQT kiêm nhiệm	70,500,000	12.0	2.0	141,000,000	
6	Nguyễn Mạnh Linh	TV HDQT kiêm nhiệm	70,500,000	3.5	2.0	41,125,000	Thôi chức danh Thành viên HDQT từ 10/4/2024
7	Trần Thị Bảo Ngọc	TV HDQT kiêm nhiệm	62,900,000	8.5	2.0	89,108,333	Giữ chức danh Thành viên HDQT từ 10/4/2024
8	Hà Kim Anh	TV HDQT kiêm nhiệm	62,900,000	8.5	2.0	89,108,333	Giữ chức danh Thành viên HDQT từ 10/4/2024
9	Lê Thị Lan Anh	TV HDQT kiêm nhiệm	62,900,000	8.5	2.0	89,108,333	Giữ chức danh Thành viên HDQT từ 10/4/2024
<b><u>BAN TỔNG GIÁM ĐỐC</u></b>						<b><u>893,000,000</u></b>	
1	Nguyễn Thị Hương Giang	Tổng Giám đốc	94,000,000	12.0	2.0	188,000,000	
2	Trần Anh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc	70,500,000	12.0	2.0	141,000,000	
3	Bùi Hoài Giang	Phó Tổng Giám đốc	70,500,000	12.0	2.0	141,000,000	
4	Lê Thanh Đạt	Phó Tổng Giám đốc	70,500,000	12.0	2.0	141,000,000	
5	Trần Hoài Nam	Phó Tổng Giám đốc	70,500,000	12.0	2.0	141,000,000	
6	Bùi Văn Thảo	Phó Tổng Giám đốc	70,500,000	12.0	2.0	141,000,000	
<b><u>KẾ TOÁN TRƯỞNG</u></b>						<b><u>125,800,000</u></b>	
1	Phạm Thu Hiền	Kế toán trưởng	62,900,000	12.0	2.0	125,800,000	
<b>Tổng cộng</b>						<b><u>2,012,575,000</u></b>	

NG  
CÓ  
HIỆ  
ROLI  
ĐA



## PHỤ LỤC 02: SỐ LIỆU KẾ HOẠCH DOANH THU BẢO HIỂM GỐC 2025

ĐVT: triệu đồng

MNV	Tên nghiệp vụ	Thực hiện 2024	Kế hoạch 2025	% Tăng trưởng
01	Bảo hiểm hàng hóa vận chuyển	395,612	396,000	0.1%
02	Bảo hiểm thân tàu biển	76,549	78,000	1.9%
03	Bảo hiểm P&I tàu biển	212,193	212,000	-0.1%
04	Bảo hiểm tàu thủy nội địa	11,392	12,000	5.3%
05	Bảo hiểm tàu cá	1,047	1,000	-4.5%
06	Bảo hiểm xe ô tô	1,573,920	1,574,000	0.0%
07	Bảo hiểm mô tô, xe máy	65,291	65,000	-0.4%
08	Bảo hiểm học sinh, giáo viên	85,964	86,000	0.0%
09	Con người khác	580,284	580,000	0.0%
10	Bảo hiểm cháy nổ, mọi rủi ro tài sản	969,161	991,000	2.3%
11	Bảo hiểm kỹ thuật	178,215	182,000	2.1%
12	Bảo hiểm hỗn hợp	153,622	154,000	0.2%
13	Bảo hiểm hàng không, năng lượng, khác	93,257	69,000	-26.0%
67	Bảo hiểm khai thác hải sản theo ND 67 (nếu có)			
	<b>Tổng cộng</b>	<b>4,396,505</b>	<b>4,400,000</b>	<b>0.1%</b>



**PHỤ LỤC 03 - SỐ LIỆU KẾ HOẠCH KẾT QUẢ KINH DOANH 2025**

Chỉ tiêu	Tổng	Gốc (không tàu cá 67)	Nhận tái BH	Đầu tư
<b>1. Doanh thu phí bảo hiểm (01 = 01.1 + 01.2 - 01.3)</b>	<b>4,611,563</b>	<b>4,397,549</b>	<b>214,014</b>	
Trong đó:				
- Phí bảo hiểm gốc	4,400,000	4,400,000		
- Phí nhận tái bảo hiểm	214,000	-	214,000	
- Tăng (giảm) dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	2,437	2,451	(14)	
<b>2. Phí nhượng tái bảo hiểm (02 = 02.1 - 02.2)</b>	<b>1,533,019</b>	<b>1,515,883</b>	<b>17,136</b>	
Trong đó:				
- Tổng phí nhượng tái bảo hiểm	1,549,779	1,532,456	17,323	
- Tăng (giảm) dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm	16,760	16,572	187	
<b>3. Doanh thu phí bảo hiểm thuần (03 = 01-02)</b>	<b>3,078,544</b>	<b>2,881,665</b>	<b>196,878</b>	
<b>4. Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm và doanh thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm (04 = 04.1 + 04.2)</b>	<b>450,188</b>	<b>435,120</b>	<b>15,068</b>	
Trong đó:				
- Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm	316,089	313,853	2,235	
- Doanh thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	134,099	121,267	12,832	
<b>5. Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm (10= 03+04)</b>	<b>3,528,732</b>	<b>3,316,786</b>	<b>211,946</b>	
<b>6. Chi bồi thường (11 = 11.1 - 11.2)</b>	<b>1,770,442</b>	<b>1,631,360</b>	<b>139,082</b>	
Trong đó:				
-Tổng chi bồi thường	1,770,442	1,631,360	139,082	
-Các khoản giảm trừ (Thu đòi người thứ 3 bồi hoàn, thu hàng đã xử lý bồi thường 100%)				
<b>7. Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm</b>	<b>351,603</b>	<b>339,915</b>	<b>11,689</b>	
<b>8. Tăng (giảm) dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm</b>	<b>855</b>	<b>854</b>	<b>1</b>	
<b>9. Tăng (giảm) dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm</b>	<b>8,782</b>	<b>8,772</b>	<b>10</b>	
<b>10. Tổng chi bồi thường bảo hiểm (15 = 11 - 12 + 13 - 14)</b>	<b>1,410,911</b>	<b>1,283,527</b>	<b>127,384</b>	
<b>11. Tăng (giảm) dự phòng dao động lớn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	
<b>12. Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm (17 = 17.1 + 17.2)</b>	<b>1,212,886</b>	<b>1,129,324</b>	<b>83,562</b>	
Trong đó:				
- Chi hoa hồng bảo hiểm	239,942	194,604	45,339	
- Chi phí trực tiếp hoạt động kinh doanh bảo hiểm và chi phí khác	972,944	934,720	38,224	
<b>13. Tổng chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm</b>	<b>2,623,797</b>	<b>2,412,851</b>	<b>210,946</b>	
<b>14. Lợi nhuận gộp hoạt động kinh doanh bảo hiểm (19= 10 - 18)</b>	<b>904,935</b>	<b>903,935</b>	<b>1,000</b>	
<b>15. Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	
<b>16. Giá vốn bất động sản đầu tư</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	
<b>17. Lợi nhuận từ hoạt động đầu tư bất động sản (22= 20 -21)</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	
<b>18. Doanh thu hoạt động tài chính</b>	<b>85,901</b>			<b>85,901</b>
<b>19. Chi phí hoạt động tài chính</b>	<b>21,046</b>			<b>21,046</b>
<b>20. Lợi nhuận gộp hoạt động tài chính (25 = 23 -24)</b>	<b>64,855</b>			<b>64,855</b>
<b>21. Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>683,416</b>	<b>683,416</b>	<b>-</b>	
<b>22. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30= 19 + 22 + 25 - 26)</b>	<b>286,373</b>	<b>220,519</b>	<b>1,000</b>	<b>64,855</b>
<b>23. Thu nhập khác</b>	<b>24,733</b>			<b>24,733</b>
<b>24. Chi phí khác</b>	<b>5,100</b>			<b>5,100</b>
<b>25. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)</b>	<b>19,633</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>19,633</b>
<b>26. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50= 30 + 40)</b>	<b>306,006</b>	<b>220,519</b>	<b>1,000</b>	<b>84,488</b>